Chi tiết mã HS 8458.11.10

Mã HS	8458.11.10
Mô tả hàng hóa	Máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) để bóc tách kim loại / - Máy tiện ngang: / - - Điều khiển số: / - - - Của loại có công suất trục (spindle power) không quá 4 kW
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 15:51:35
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84581110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14096
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14096
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14096
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13426
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13367
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13367
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13367
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13367
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13367
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13367
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13421
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13421

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13421
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13421
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13421
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13421
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13422
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13422
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13422
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13422
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13422
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13422
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13425
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13373
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13381
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13381
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13381
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13381
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13381
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13381
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13412
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13412
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13412
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13412
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13412
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13412
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13461
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13461

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13461
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13461
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13461
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13461
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13444
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13444
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13444
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13444
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13444
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13444
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13444
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13444
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13444
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13444
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13444
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13444
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13459
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13459
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13459
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13459
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13459
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13459
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13458
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13458
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13458
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13458

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13458
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13458
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13438
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13438
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13438
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13438
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13438
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13438
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13438
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13446
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13446
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13446
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13446
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13446
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13446
RCEP B	2022	2022	0	B!D13446
RCEP B	2023	2023	0	B!E13446
RCEP B	2024	2024	0	B!F13446
RCEP B	2025	2025	0	B!G13446
RCEP B	2026	2026	0	B!H13446
RCEP B	2027	2027	0	B!I13446
RCEP C	2022	2022	0	C!D13446
RCEP C	2023	2023	0	C!E13446
RCEP C	2024	2024	0	C!F13446
RCEP C	2025	2025	0	C!G13446
RCEP C	2026	2026	0	C!H13446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13446
RCEP D	2022	2022	0	D!D13445
RCEP D	2023	2023	0	D!E13445
RCEP D	2024	2024	0	D!F13445
RCEP D	2025	2025	0	D!G13445
RCEP D	2026	2026	0	D!H13445
RCEP D	2027	2027	0	D!I13445
RCEP E	2022	2022	0	E!D13449
RCEP E	2023	2023	0	E!E13449
RCEP E	2024	2024	0	E!F13449
RCEP E	2025	2025	0	E!G13449
RCEP E	2026	2026	0	E!H13449
RCEP E	2027	2027	0	E!I13449
RCEP F	2022	2022	0	F!D13446
RCEP F	2023	2023	0	F!E13446
RCEP F	2024	2024	0	F!F13446
RCEP F	2025	2025	0	F!G13446
RCEP F	2026	2026	0	F!H13446
RCEP F	2027	2027	0	F!I13446
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12474
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12474
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12474
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12474

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8458.11 có 2 dòng thuế; dòng 8458.11.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của loại có công suất trục (spindle power) không quá 4 kW.	8458.11.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8458.11.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8458.11.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14096), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.